TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HN-ST
Ngày: 28/8/2020
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà **Trần Ngọc Sáng.**

- Ông **Nguyễn Văn Mến.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Bà **Trần Thị Bích Trương** – Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa*: Bà **Huỳnh Thị Bảo Trân** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công Ki vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 88/2020/QĐST-HN ngày 17 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST – HN ngày 07/8/2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D,** sinh năm 1987.

Địa chỉ**:** 230C, Khu vực P, phường P, quận C, Tp. Cần Thơ.

* *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Văn N,** sinh năm 1988.

Địa chỉ: 230C, Khu vực P, phường T, quận C, Tp. Cần Thơ.

(Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 05 tháng 6 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*** Bà và ông N cưới nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận C vào ngày 08/10/2008. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả. Nguyên nhân là do ông N chỉ lo ăn chơi, không chăm lo gì cho gia đình. Mặc dù bà nhiều lần khuyên can nhưng ông N vẫn không thay đổi. Do không thể tiếp tục chung sống nên bà xin được ly hôn. Do hiện bà đi làm tại Bình Dương, điều

kiện đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn K (nam), sinh 09/02/2011. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* ***Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N***: Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập ông N, tuy nhiên ông luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện tòa án thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bà D và ông N có đăng ký kết hôn theo quy định. Bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Ông N mặc dù được tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông luôn vắng mặt cho thấy ông không tha thiết hàn gắn tình cảm. Do vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu cho bà D được ly hôn ông N.

Về con chung: Bà D có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Cháu K cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Nên giao cháu K cho bà D nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với tài sản chung và nợ chung: Do ông N vắng mặt nên cần tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà D và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà D có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là "Xin ly hôn" được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông N, tuy nhiên ông luôn vắng mặt không rỏ lý do. Bà D cũng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập ông N tuy nhiên ông luôn vắng mặt. Cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, có thái độ bỏ mặc không quan tâm. Bản thân bà D vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của bà D là cho bà được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn K (nam), sinh

09/02/2011, hiện đang sống cùng gia đình ông N. Bà D có yêu cầu được nuôi con, ông N thì vắng mặt nên cũng không thể xem xét được nguyện vọng của ông. Bản thân cháu K có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Do vậy nên giao cháu K cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu bà D không nuôi dưỡng tốt thì ông N có quyền khởi kiện để xin thay đổi người nuôi con.

Về cấp dưỡng: Do bà D không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D cho rằng không có nhưng do ông N vắng mặt nên cần tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn K (nam), sinh 09/02/2011cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà D không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông N theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 005949 ngày 03/3/2020. Bà D không phải nộp thêm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ "để báo cáo".
- VKSND TPCT, Q. C "để theo dõi".
- Các đương sự "để biết".
- THA DS Q. C "để thi hành".
- UBND P. P
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Thanh Trúc